

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Trường Thọ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**

2. Bà **Võ Ngọc Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Nguyễn Viết T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp OT, xã TC, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2.*Bị đơn:* Trần Thị Lệ T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp HH, xã HB, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Viết T: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn chị Trần Thị Lệ T; yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị của bị đơn chị Trần Thị Lệ T: đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T, thống nhất giao con chung Nguyễn Trần Thiên N cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đương sự thông nhất:

Anh Nguyễn Viết T và chị Trần Thị Lệ T không có đăng ký kết hôn; anh chị có 01 con chung Nguyễn Trần Thiên N, sinh ngày 21/3/2014 theo giấy khai sinh số 66 ngày 16/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã HB, huyện TO.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T thống nhất anh chị không còn chung sống với nhau

Về con chung: Chị T thống nhất giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T và chị T tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quyền yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO theo quy định tại điều 28 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc các đương sự chưa yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của anh T và chị T đều thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế anh chị không cùng chung sống nên đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về người trực tiếp nuôi con chung: Chị T thống nhất giao con chung Nguyễn Trần Thiên N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp vì thực tế anh T đã nuôi con chung từ khi anh và chị T không còn chung sống với nhau nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh T là phù hợp điều 58,81,82,83 luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Viết T nguyên đơn trong vụ án ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng, anh T không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53; 58; 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Vết T và chị Trần Thị Lệ T

2. Về nuôi con: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Trần Thiên N, sinh ngày 21/3/2014 cho anh Nguyễn Viết T nuôi dưỡng, chị Trần Thị Lệ T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Viết T nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0013958 ngày 10/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TO anh T không phải nộp tiếp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND. huyện TO;
- THADS. huyện TO;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trường Thọ